

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2023
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh An Nhã

2. Ông Cao Hoài Lượm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký
Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm
sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân
huyện GT xét xử sơ thẩm công KH (trực tuyến) vụ án dân sự thụ lý số
68/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12
năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh S, sinh ngày 26/10/1976 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, ấp M, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Hồ Thị Bé H, sinh ngày 03/8/1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, ấp M, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2022 và lời KH trong quá trình giải
quyết nguyên đơn anh Lê Thanh S trình bày:***

Anh và chị Hồ Thị Bé H chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký
kết hôn tại UBND xã V, huyện Kiên Lương (nay là huyện GT), tỉnh Kiên Giang,
hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép. Vợ chồng chung sống với nhau được
thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị xung đột tính

cách, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm ai. Thời gian chung sống được khoảng 03 tháng thì vợ anh bỏ về bên gia đình vợ và chấm dứt cuộc sống chung từ đó đến nay. Vì vậy, mâu thuẫn giữa H bên ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung; Không có tài sản chung; không có nợ chung.

Nay đến Tòa, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với vợ là chị Hồ Thị Bé H

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua theo dõi diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, đưa người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm chung.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh S; chấp nhận cho anh Lê Thanh S ly hôn với chị Hồ Thị Bé H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lê Thanh S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lê Thanh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị Bé H đây là vụ án “*xin ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chị Hồ Thị Bé H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, ấp M, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Chị Hồ Thị Bé H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng với tư cách bị đơn nhưng chị Bé H vắng mặt không có lý do. HĐXX đã hoãn phiên tòa sơ thẩm một lần vào ngày 20/12/2022. Do đó, có căn cứ để HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Thanh S và chị Hồ Thị Bé H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Kiên Lương (nay là huyện GT), tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyền 01 ngày 21/8/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh và chị chung sống chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do xung đột tính cách, thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm ai nên không hàn gắn được. HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Bé H đến Tòa để động viên, hòa giải nhưng chị Bé H vắng mặt không có lý do điều này cho thấy chị Bé H không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ cùng anh S. Do đó, HĐXX thấy mâu thuẫn của anh, chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh S xin ly hôn với chị Bé H là có cơ sở chấp nhận.

Kết quả xác minh tại địa phương thấy rằng: Chị Hồ Thị Bé H có đăng ký thường trú tại tổ 07, ấp M, xã V, huyện GT, tỉnh Kiên Giang hiện nay đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết nhưng thỉnh thoảng có về nhà một vài ngày rồi tiếp tục đi. Quá trình chung sống thì anh S, chị Bé H thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và đã không chung sống từ cuối năm 2008 cho đến nay. Quá trình chung sống anh S và chị Bé H không có con chung; không có tài sản chung và không có nợ chung.

[4] Về con chung:

Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Do đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Nguyên đơn anh Lê Thanh S phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh S về việc xin ly hôn với bị đơn chị Hồ Thị Bé H

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Thanh S được ly hôn với chị Hồ Thị Bé H

- Về con chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xét do đương sự nên không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Lê Thanh S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002684 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh Kiên Giang. (anh S đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2023); Bị đơn chị Hồ Thị Bé H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công kH

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Những người TGTT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Hồng Phong

